SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH **TTYT KHU VỰC VĨNH HƯNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1568 /TM-TTYTKV	*Vĩnh Hưng, ngày 16 tháng 10 năm 2026*

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Hưng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm "Hóa chất xét nghiệm của Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Hưng" với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Hưng. Địa chỉ: TL831, xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Bà: Nguyễn Thị Thùy Chức vụ: Kế toán viên.

- SĐT: 0963.778.068 Email: tothauvinhhung@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: TTYT khu vực Vĩnh Hưng, TL831, xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh.

- Nhận qua email: tothauvinhhung@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 18 tháng 10 năm 2026 đến trước 17h ngày 28 tháng 10 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, Bắt đầu từ ngày 28/10/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế: (Phụ lục đính kèm)

III. Các yêu cầu khác:

1. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Phòng xét nghiệm và Kho Vật tư Y tế - hóa chất của Khoa Dược - TTB - VTYT thuộc TTYT khu vực Vĩnh Hưng. Địa chỉ: TL831, xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh.

2. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV năm 2026.

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: không.

- Phương thức thanh toán: bằng chuyển khoản.

- Điều kiện thanh toán: Hàng hóa được xem là đủ điều kiện thanh toán khi đã được giao hàng cho Chủ đầu tư, đã được kiểm tra và cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định.

- Thời hạn thanh toán: trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận hàng và đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).

4. Các thông tin khác:

- Các đơn vị cung cấp báo giá theo mẫu đính kèm.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Vũ

PHỤ LỤC

(Đính kèm thư mời chào giá số 1568/TTYTKV ngày 16/10/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Hưng)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
1. HÓA CHẤT PHỤ HỢP SỬ DỤNG TRÊN MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA (MÁY ĐẶT)							
1.1	Hóa chất hiệu chuẩn xác định định lượng các chất phân tích hóa học thông thường trên hệ thống đo	72	ml	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người(Uric Acid, Albumin,ALT,AST Amylase,Bilirubin trực tiếp,Bilirubin toàn phần,Calcium CPC,CK NAC,Chloride, cholesterol, Cholinesterase,Creatinine,Copper, Iron,Ankaline phosphatase,Acid phosphatase,Phosphorus,GGT,Glucose,Lactate,LDH,Lipase,Magnesium,Sodium,Potassium,Total Protein, Triglycerides,Urea). ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.2	Hóa chất kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường trên hệ thống đo mức bình thường	150	ml	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức bình thường (Uric Acid,Albumin,ALT,AST Amylase,Bilirubin trực tiếp,Bilirubin toàn phần,Calcium CPC,CK NAC,Chloride,cholesterol,Cholinesterase,Creatinine,Copper,Iron,Ankaline phosphatase,Acid phosphatase, Phosphorus,GGT,Glucose,Lactate,LDH,Lipase,Magnesium,Sodium,Potassium,Total Protein,Triglycerides,Urea). ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.3	Hóa chất kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường trên hệ thống đo mức cao	150	ml	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức cao (Uric Acid,Albumin,ALT,AST Amylase,Bilirubin trực tiếp,Bilirubin toàn phần,Calcium CPC,CK NAC,Chloride,cholesterol,Cholinesterase,Creatinine,Copper,Iron,Ankaline phosphatase,Acid phosphatase,Phosphorus,GGT,Glucose, Lactate,LDH,Lipase,Magnesium,Sodium,Potassium,Total Protein,Triglycerides,Urea). ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.4	Thuốc thử xét nghiệm Glucose.	30.000	ml	Hóa chất chứa 1 thuốc thử R1 Thành phần : R1 Phosphate buffer pH 7.4 100.0 mmol/l Phenol 9.0 mmol/l GOD ≥ 25000 U/l POD ≥ 1500 U/l 4-aminophenazone 2.3 mmol/l Dải đo : 3,1 mg/dl - 500 mg/dl. Bước sóng : 510 (500-550) nm Phương pháp : Colorimetric enzymatic method GOD-PAP. ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.5	Thuốc thử xét nghiệm Urea	16.000	ml	Hóa chất có 2 thuốc thử R1 và R2 Thành phần : R1 : Goods buffer pH 7.6 130.0 mmol/l; ADP 1.2 mmol/l;Urease ≥ 8000 U/l; GLDH ≥ 1500 U/l R2 : Goods buffer pH 10.2 100.0 mmol/l; alpha-ketoglutarate 65.0 mmol/l; NADH 1.20 mmol/l Dải đo : 4.9 - 300 mg/dl Bước sóng : 340 (334-365) nm Phương pháp : . Kinetic UV method Urease-GLDH ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.6	Thuốc thử xét nghiệm Creatinine	20.000	ml	Thành phần : R1 : Litium hydroxide 120.0 mmol/l Boric acid 80.0 mmol/l R2 : Picric acid 67.0 mmol/l Dải đo : 0.3 - 25 mg/dl Bước sóng : λ: 510 (500-550) nm Phương pháp : Colorimetric method Jaffé without deproteinization ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.7	Thuốc thử xét nghiệm AST/GOT	18.000	ml	Hóa chất có 2 thuốc thử R1 và R2 Thành phần: R1 : Goods buffer pH 7.8 80.0 mmol/l; L-aspartate 240.0 mmol/l;LDH ≥ 1800 U/l MDH ≥ 800 U/l R2 : Goods buffer pH 7.8 80.0 mmol/l; alpha-ketoglutarate 65.0 mmol/l; NADH ≥ 1.18 mmol/l Dải đo: 2.4 U/l - 400 U/L Bước sóng: 340 (334-365) nm Phương pháp : Kinetic UV optimized method IFCC* ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.8	Thuốc thử xét nghiệm ALT/GPT	18.000	ml	Hóa chất có 2 thuốc thử R1 và R2 Thành phần: R1 : Goods buffer pH 7.5 80.0 mmol/l; L-alanine 500.0 mmol/l;LDH ≥ 1500 U/l; R2 : Goods buffer pH 7.5 80.0 mmol/l; alpha-ketoglutarate 65.0 mmol/l; NADH ≥ 1.18 mmol/l. Dải đo: 2,5-400 U/l Bước sóng: λ: 340 (334-365) nm Phương pháp: Kinetic UV optimized method IFCC* ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	

1.9	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	20.000	ml	Hóa chất chứa 1 thuốc thử R1 Thành phần : R1 : Goods buffer pH 6.8 100.0 mmol/l cholesterol esterase ≥ 500 U/l cholesterol oxidase ≥ 800 U/l phenol 20.0 mmol/l peroxidase ≥ 2500 U/l 4-aminophenazone 1.6 mmol/l Dải đo : 2,8 - 800 mg/dl Bước sóng : 510 (500-550)nm Phương pháp : Colorimetric enzymatic method CHOD - PAP. ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.10	Thuốc thử xét nghiệm Triglyceride	20.000	ml	Hóa chất có chứa 1 thuốc thử R1 Thành phần : R1 : PIPES buffer 100.0 mmol/l phenol 16.0 mmol/l lipoproteinlipase ≥ 4000 U/l gliceroIkinase ≥ 2000 U/l peroxidase ≥ 2500 U/l ATP 0.8 mmol/l 4-aminophenazone 1.4 mmol/l glicerol-3-P-oxidase ≥ 2000 U/l Dải đo : 3.50 mg/dl - 1000 mg/dl Bước sóng : 510 (500- 550) nm Phương pháp : Colorimetric enzymatic method GPO - PAP. ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.11	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol lipoprotein mật độ cao (HDL-C)	2.000	ml	Hóa chất có 2 thuốc thử R1 và R2 Thành phần : R1 : Goods buffer pH 6.6 100.0 mmol/l cholesterol esterase 800 U/l cholesterol oxidase 500 U/l catalase 300 kU/l HDAOS 0.7 mmol/l R2 : Goods buffer pH 7.0 100.0 mmol/l peroxidase 4 kU/l 4-aminoantypirine 4.0 mmol/l Dải đo : 3.0 mg/dl - 150 mg/dl Bước sóng : ┼: 600 (570-610) nm Phương pháp : Clearance method ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.12	Hóa chất định lượng LDL Cholesterol	2.000	ml	Hóa chất có 2 thuốc thử R1 và R2 Thành phần : R1 : Pipes buffer pH 7.0 100.0 mmol/l cholesterol esterase 800 U/l cholesterol oxidase 500 U/l catalase 300 kU/l TOOS 0.6 mmol/l R2 : Goods buffer pH 7.0 50.0 mmol peroxidase 4 KU/l 4-aminoantypirine 4.0 mmol/l Dải đo : 7.0mg/dl - 250 mg/dl. Bước sóng : 600 (570-610) nm Phương pháp : Clearance method ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.13	Hóa chất hiệu chuẩn - HDL	10	ml	chất hiệu chuẩn HDL/LDL ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.14	Hóa chất kiểm chuẩn HDL	90	ml	Chất kiểm chuẩn HDL/LDL ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.15	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần	5.000	ml	Hóa chất có 2 thuốc thử R1 và R2 Thành phần : R1 :Sulphanilic acid 12.5 mmol/l citric acid 1.00 mol/l caffeine 0.18 mol/l preservatives and surface-active agents not anionic R2 :Nitrite sodium 0.52 mmol/l Dải đo : 0.04 - 25 mg/dl. Bước sóng : 570 (550 – 580) nm Phương pháp : Colorimetric method Jendrassik - Grof modified. ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.16	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	5.000	ml	Hóa chất có 2 thuốc thử R1 và R2 Thành phần : R1 : Sulphanilic acid 22.0 mmol/l preservatives and surface-active agents not anionic R2 : Nitrite sodium 0.35 mmol/l Dải đo : 0.04 - 10 mg/dl. Bước sóng : λ: 570 (550 – 580) nm Phương pháp : Colorimetric method Jendrassik - Grof modified ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	

1.17	Thuốc thử xét nghiệm Acid Uric	12.000	ml	Hóa chất có 2 thuốc thử R1 và R2 Thành phần : R1 :Goods buffer pH 8.0 100.0 mmol/l ascorbate oxidase ≥ 200 U/l 3,5-diclorophenol-sulphonate 2.5 mmol/l R2 : Goods buffer pH 8.0 100.0 mmol/l 4-aminophenazone 0.8 mmol/l Peroxidise ≥ 3000 U/l Uricase ≥ 600 U/l Dải đo : 0.5 - 25 mg/dl Bước sóng : 510 (500- 550) nm Phương pháp : Colorimetric enzymatic method Uricase-PODPAP ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.18	Thuốc thử xét nghiệm định lượng hoạt tính của α-Amylase	500	ml	Hóa chất có chứa thuốc thử R1 dùng trong xét nghiệm AMYLASE Thành phần: R1 MES buffer ph 6.0 90.0 mmol/l sodium chloride 500.0 mmol/l potassium sulphacyanide 0.60 mol/l calcium acetate 7.2 mmol/l CNPG3 2.7 mmol/l Dải đo: 5.2 U/L -1000 U/L Bước sóng: +: 405 (400-440) nm Phương pháp: Kinetic method CNPG3 ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.19	Thuốc thử xét nghiệm CKMB	500	ml	Hóa chất có 2 thuốc thử R1 và R2 Thành phần : R1 Buffer : Imidazol pH 6.7 100 mmol/L Glucose 20 mmol/L;Magnesium acetate 10 mmol/L; EDTA 2 mmol/L R2 Anti CK-M: *Anti CK-M 2000 U/L; ADP 2 mmol/L;AMP 5 mmol/L; di-Adenosine-5- pentaphosphate 10 mmol/L ;$NADP^+$ 2 mmol/L; Hexoquinase (HK) 2500 U/L ;Glucosa-6-phosphate deshydrogenase 1500 U/L; N-acetylcysteine 20 mmol/L; Creatinine phosphate 30 mmol/L *Anti CK-M sufficient to inhibit up to 2000 U/L of CK-MM Dải đo: 330 U/L Bước sóng :340 nm Phương pháp :Kinetic UV ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.20	Chất hiệu chuẩn CK MB	10	ml	Chất hiệu chuẩn CK-MB chứa chất phân tích Creatine Kinase-MB (CK-MB) ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.21	Chất kiểm chuẩn CKMB	10	ml	Chất kiểm chuẩn CK-MB chứa chất phân tích Creatine Kinase-MB (CK-MB) ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.22	Thuốc thử xét nghiệm GAMA GT	10.000	ml	Hóa chất có 2 thuốc thử R1 và R2: Thành phần : R1 : Goods buffer pH 8.25 350.0 mmol/l glycylglycine 180.0 mmol/l R2 : L-gamma-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20.0 mmol/l Dải đo : 5.0 - 800 U/l Bước sóng : λ: 405 (400 - 420) nm Phương pháp : SZASZ method. ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.23	Thuốc thử xét nghiệm Protein toàn phần	3.000	ml	Hóa chất có 1 thuốc thử R1 Thành phần : R1 : Sodium hydroxide 350,0 mmol/l Sodium potassium tartrate 20,0 mmol/l Iodide potassium 5,2 mmol/l Sulphate copper 4,8 mmol/l Dải đo : 0.3-10 g/dl. Bước sóng : +: 540 (530-570) nm Phương pháp : Biuret method ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.24	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	1.200	ml	Hóa chất có 1 thuốc thử R1 Thành phần: R1 Succinate buffer 60.0 mmol/l bromocresol green (BCG) 0.15 mmol/l surface-active agents not anionic Dải đo:0,56 - 8.0 g/dl Bước sóng: +: 630 (600-670) nm Phương pháp: Colorimetric Bromocresol green BCG method. ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.25	Thuốc thử xét nghiệm HBA1C	2.500	ml	Thành phần : HbA1c Reagent R1 : Latex. Sodium azide (0.95 g/L). HbA1c Reagent R2: Antibody-complex, anti-human haemoglobin A1c mouse monoclonal antibody and anti-mouse IgG antibody. Stabilizers. HBA1C LYSANT 100 mL Dải đo:0-15% Bước sóng : 660 nm ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.26	Dung dịch chuẩn cho xét nghiệm HBA1C	10	ml	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm HBA1C. ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	

1.27	Dung dịch kiểm chứng cho xét nghiệm HBA1C	20	ml	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm HBA1C ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.28	Thuốc thử xét nghiệm Calcium	3.000	ml	Thành phần: R1 Goods buffer pH 6.8 100.0 mmol/l Arsenazo III 0.40 mmol/l Dải đo: 1,2-16 mg/dl Bước sóng: ┼: 650 (600-670) nm Phương pháp: Colorimetricarsenazo method. ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.29	Thuốc thử xét nghiệm CRP	250	ml	Thành phần : CRP R1 : Tris buffer pH 8.2 20.0 mmol/l; Sodium azide < 0.1%. CRP R2 : Suspension of polystyrene latex particles coated with IgG anti-human CRP. in a buffer . Sodium azide < 0.1% CRP CAL Calibrator. C-Reactive protein concentration is stated on the vial label Dải đo : 2 mg/l - 150 mg/l Bước sóng : λ: 540 nm Phương pháp : Turbidimetryc method ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.30	Dung dịch kiểm chứng cho xét nghiệm CRP mức bình thường	5	ml	Dung dịch kiểm chứng cho CRP mức bình thường ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.31	Dung dịch kiểm chứng cho xét nghiệm CRP mức cao	5	ml	Dung dịch kiểm chứng cho CRP mức cao ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.32	Hóa chất dùng cho xét nghiệm RF	260	ml	Xét nghiệm sinh hóa RF sử dụng trên máy tự động có chất hiệu chuẩn trong hộp thuốc. Diluent (R1) : Tris buffer 20 mmol/L, pH 8.2. Preservative Latex (R2) : Latex particles coated with human gammaglobulin, pH 7.4.Preservative.. RF-CAL : Calibrator. Human serum. The RF concentration is stated on the vial label. Dải đo : 6IU/mL -160 IU/mL Bước sóng : 650 nm ISO 13485. FSC . Xuất xứ G7	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.33	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ethanol	350	ml	Hóa chất chứa 2 thuốc thử R1 và R2 dùng trong xét nghiệm nồng độ cồn và chất hiệu chuẩn bên trong hợp thuốc. Thành phần : Thuốc thử dạng lỏng sẵn sàng sử dụng. Good's buffer 1M, NAD ≥ 1mM, ADH ≥ 5 kU/l, stabilizers and preservatives chất hiệu chuẩn 10ml đính kèm trong hộp thuốc. Tiêu chuẩn ISO 13485 Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) tại Ý. Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.34	Chất nội kiểm Ethanol	10	ml	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Ethanol 02 mức Tiêu chuẩn ISO 13485 Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) tại Ý. Xuất xứ G7.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.35	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	5.000	Cái	Cốc đựng mẫu dùng trên máy xét nghiệm sinh hóa ISO 13485:2016	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.36	Dung dịch rửa Acid	100.000	ml	Dung dịch rửa Acid dùng cho máy phân tích sinh hoá. ISO 13485:2016	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
1.37	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	10	Cái	Bóng đèn dùng cho máy phân tích sinh hóa 12V-20W. ISO 13485:2016	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
2. HÓA CHẤT PHÙ HỢP SỬ DỤNG CHO MÁY HUYẾT HỌC NIHON KODEN MEK-7300K							
2.1	Dung dịch chuẩn	90	ml	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng +Màu: đỏ sẫm +Độ pH: trung tính +Tính tan: tan trong nước +Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú +Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C +Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
2.2	Dung dịch ly giải hồng cầu	24.000	ml	Thành phần:Quaternary ammonium salt, buffer, sodium sulfate pH=7.2±0.50 (25℃±1℃); Blank count：WBC≤0.5×109/L; HGB≤2g/L Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất và 60 ngày sau khi mở nắp.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
2.3	Dung dịch bách phân 5 thành phần bạch cầu	24.000	ml	pH=8.1±0.50(25℃±1℃); Blank count：WBC≤0.5×109/L; HGB≤2g/L Thành phần: Quaternary ammonium salt, sodium chloride, buffer Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất và 60 ngày sau khi mở nắp Quy cách: Chai/500ml	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
2.4	Dung dịch rửa thường	360.000	ml	Thành phần:Alkaline protease, buffer, surfactant, preservative pH=8.4±0.3(25℃±1℃) Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất và 60 ngày sau khi mở nắp.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
2.5	Dung dịch rửa mạnh	360.000	ml	Thành phần:Sodium hypochlorite pH＞11.0（25℃±1℃） Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất và 60 ngày sau khi mở nắp.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	

2.6	Dung dịch pha loãng	2.400.000	ml	Thành phần:Sodium sulfate, sodium chloride, phosphate buffer, preservative pH=7.0±0.2(25 ℃ ± 1 ℃); ρ=18.0±0.5ms/cm(25 ℃ ± 1 ℃); Osm=293±10mOsm/Kg; Particle count：≤2.5×105/L Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất và 60 ngày sau khi mở nắp.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
3. HÓA CHẤT PHÙ HỢP SỬ DỤNG CHO MÁY MÁY ĐÔNG MÁU THROMBOSTAT 2-channel						Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
3.1	Thuốc thử xét nghiệm PT	5	ml	Hoá chất xét nghiệm đông máu dùng để xác định one-stage Prothrombin Time trong huyết tương citrated. Thành phần: Thuốc thử A: Lyophilized rabbit brain thromboplastin with a final concentration of 10 mM calcium chloride. Độ lặp lại: CV ≤ 1,4 % Độ tái lập: CV ≤ 3,2 % Bảo quản: hóa chất cung cấp có độ ổn định khi bảo quản trong tủ lạnh (2–10°C) cho đến hạn sử dụng được ghi trên hộp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
3.2	Thuốc thử xét nghiệm APTT	5	ml	Hoá chất xét nghiệm đông máu dùng để xác định Activated Partial Thromboplastin Time (APTT) trong huyết tương người. Hóa chất sẵn sàng sử dụng Thành phần: Thuốc thử A: vials containing cephalin with ellagic acid as a soluble activator Thuốc thử B: 0.025 mol/l stable calcium chloride solution. Độ lặp lại: CV ≤ 1,44% Độ tái lập: CV ≤ 4,16% Bảo quản: hóa chất cung cấp có độ ổn định khi bảo quản trong tủ lạnh (2–10°C) cho đến hạn sử dụng được ghi trên hộp. Không đông lạnh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
3.3	Dung dịch CONTROL NORMAL	5	ml	Hóa chất kiểm chuẩn mức bình thường được sử dụng để kiểm soát chất lượng các xét nghiệm đông máu: Prothrombin Time (PT), APTT (Activated Partial Thromboplastin Time), Thrombin Time (TT), Fibrinogen. Thành phần: pool of normal human plasmas obtained with citrate as anticoagulant. Dạng đông khô Bảo quản: Ổn định khi bảo quản trong tủ lạnh (2–10°C) cho đến hạn sử dụng ghi trên hộp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
3.4	Dung dịch CONTROL PATH	5	ml	Hóa chất kiểm chuẩn mức bệnh lý được sử dụng để kiểm soát chất lượng các xét nghiệm đông máu: Prothrombin Time (PT), APTT (Activated Partial Thromboplastin Time), Thrombin Time (TT), Fibrinogen. Thành phần: pool of pathologic human plasmas with decreased coagulation factors, obtained with citrate as anticoagulant. Dạng đông khô Bảo quản: Ổn định khi bảo quản trong tủ lạnh (2–10°C) cho đến hạn sử dụng ghi trên hộp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
3.5	Cuvet	40	Cái	Cuvet dùng để chứa/đặt mẫu xét nghiệm cho máy phân tích đông máu, chất liệu nhựa, kích thước 1 khay (4 cuvettes không tách rời): 59.50mm×10.60mm×22.60mm, thể tích đo 500ul, dành cho phương pháp cơ học.	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
4. HÓA CHẤT PHÙ HỢP SỬ DỤNG CHO MÁY NƯỚC TIỂU (MÁY ĐẶT)							
4.1	Que thử tiểu 10 thông số	5.000	Que	Que thử nước tiểu SELFSTIK là que nhúng và đọc, được sử dụng làm chất hỗ trợ chẩn đoán trong ống nghiệm sử dụng mẫu nước tiểu. Dải này chứa các vùng thuốc thử được pha rắn được gắn vào giá đỡ bằng nhựa và được cung cấp ở dạng thuốc thử khô. Dải này là một xét nghiệm định tính và bán định lượng trực quan để xác định các thông số cố định theo thứ tự như sau: urobilinogen, glucose, ketones, bilirubin, protein, nitrite, pH, Blood, specific gravity, leukocytes, ascorbic acid. ISO 13485 : 2016	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
4.2	Giấy in nhiệt	100	Cuộn	Giấy in nhiệt sử dụng cho máy nước tiểu. ISO 13485 : 2016	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
5. HÓA CHẤT PHÙ HỢP SỬ DỤNG CHO MÁY ION ĐỒ 5 THÔNG SỐ (MÁY ĐẶT)							
5.1	FLUID PACK	30.000	ml	"Hóa chất định lượng Natri, Kali, Canxi Ion hóa, Liti, pH, HCO3 và Clorua trong máu toàn phần/huyết tương/huyết thanh/Dịch não tủy (CSF) và định lượng Natri, Kali, Canxi Ion hóa và Clorua trong nước tiểu - Calibrator A Solution 450mL : Na^+: 145.00 mmol/L; K^+: 4.10 mmol/L; iCa^{2+}: 1.50 mmol/L; Cl^-: 125.00 mmol/L; Glucose: 0.00 mg/dL; Lac: 0.00 mmol/L; pH: 7.450; ApO2: 170 mmHg; Điện giải; Đệm và Chất bảo quản. - Calibrator B Solution 200mL : Na^+: 75.00 mmol/L; K^+: 2.10 mmol/L; iCa^{2+}: 2.70 mmol/L; Cl^-: 67.00 mmol/L; Glucose: 150.0 mg/dL; Lac: 2.00 mmol/L; pH: 6.710; BpO2: 90 mmHg; Điện giải; Chất chuyển hóa; Đệm và Chất bảo quản. - Calibrator C Solution 500mL : Na^+: 145.00 mmol/L; K^+: 4.10 mmol/L; iCa^{2+}: 1.50 mmol/L; Cl^-: 100.00 mmol/L; Glucose: 75 mg/dL; Lactate: 1.00 mmol/L; pH: 7.150; CpO2: 70 mmHg; HCO_3^-: 33 mmol/L; Điện giải; Chất chuyển hóa; Đệm và Chất bảo quản. - Bảo quản: 18–25°C và có thể được sử dụng cho đến ngày hết hạn ghi trên gói. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016"	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	

5.2	NƯỚC RỬA MÁY	500	ml	"Dung dịch tẩy rửa hàng ngày được sử dụng để loại bỏ protein lắng đọng trên đường dẫn dòng của máy phân tích điện giải. - Bảo quản ở nhiệt độ 18–25°C cho đến ngày hết hạn được ghi trên nhãn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016"	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
5.3	BỘ CHUẨN	540	ml	"Dung dịch kiểm chuẩn Mức 1, Mức 2 & Mức 3 được sử dụng để theo dõi các chỉ số: Natri, Kali, Canxi ion hóa, pH, Clorua, Glucose, Lactate, pCO_2 và pO_2 trên máy phân tích khí máu và theo dõi Natri, Kali, Canxi ion hóa, pH, Clorua và HCO_3^- trên máy phân tích ion chọn lọc. - Bảo quản ở nhiệt độ 18–25°C cho đến ngày hết hạn được ghi trên nhãn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016"	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
5.4	ĐIỆN CỰC NA	5	Cái	"Điện cực Natri (Na^+) được sử dụng để xác định/đo lường định lượng Natri (Na^+) trong máu toàn phần, huyết tương, huyết thanh, dịch não tủy (CSF) và nước tiểu đã pha loãng. - Dải đo tham chiếu mẫu máu:(20-200 mmol/L); Độ tái lập: CV% < 1.0% - Dải đo tham chiếu mẫu nước tiểu:(25-1000 mmol/L); Độ tái lập: CV% < 5.0% - Bảo quản ở nhiệt độ 18–25°C cho đến ngày hết hạn được ghi trên nhãn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016"	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
5.5	ĐIỆN CỰC K	5	Cái	"- Điện cực Kali (K^+) được sử dụng để định lượng / đo nồng độ Kali (K^+) trong máu toàn phần / huyết tương / huyết thanh / dịch não tủy (CSF) / nước tiểu đã pha loãng. - Dải đo tham chiếu mẫu máu:(0,2-40 mmol/L); Độ tái lập: CV% < 2.0% - Dải đo tham chiếu mẫu nước tiểu:(1,0-500 mmol/L); Độ tái lập: CV% < 5.0% - Bảo quản ở nhiệt độ 18–25°C cho đến ngày hết hạn được ghi trên nhãn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016"	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
5.6	ĐIỆN CỰC CL	5	Cái	"- Điện cực Clorua (Cl^-) được sử dụng để định lượng/đo nồng độ Clorua (Cl^-) trong máu toàn phần / huyết tương / huyết thanh / dịch não tủy (CSF) / nước tiểu đã pha loãng. - Dải đo tham chiếu mẫu máu:(25-200 mmol/L); Độ tái lập: CV% < 1.0% - Dải đo tham chiếu mẫu nước tiểu:(25-500 mmol/L); Độ tái lập: CV% < 5.0% - Bảo quản ở nhiệt độ 18–25°C cho đến ngày hết hạn được ghi trên nhãn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016"	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	
5.7	ĐIỆN CỰC REF	5	Cái	"Điện cực tham chiếu được sử dụng để cung cấp điện thế tham chiếu ổn định trong máy phân tích ion chọn lọc và để xác định/đo lường định lượng các chỉ tiêu: Natri (Na^+), Kali (K^+), Canxi (Ca^{2+}), Lithi (Li^+), pH, HCO_3^- và Clorua (Cl^-) trong máu toàn phần, huyết tương, huyết thanh và dịch não tủy (CSF). - Bảo quản ở nhiệt độ 18–25°C cho đến ngày hết hạn được ghi trên nhãn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016"	TTYT khu vực Vĩnh Hưng. TL831, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	Công ty điền quy cách tham khảo của hàng hóa chào giá	